



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 14 tháng 12 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Phạm Trung Lâm
Ông Trần Phương Bắc
Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Neal Leroux Kok

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Trung Lâm
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng
Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính
Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh
doanh ngành thịt

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Trần Phương Bắc

Chủ tịch (từ ngày 14 tháng 4 năm 2021)
Thành viên (từ ngày 14 tháng 4 năm 2021)

Ban kiểm soát

Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên
Bà Phạm Quỳnh Nga
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Trưởng Ban (đến ngày 13 tháng 4 năm 2021)
Thành viên (đến ngày 13 tháng 4 năm 2021)
Thành viên (đến ngày 13 tháng 4 năm 2021)

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Đường Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.*

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Masan MEATLife tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00406-21-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.594.301.001.387	2.891.262.464.053
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	789.117.036.811	1.176.073.253.973
Tiền	111		60.117.036.811	47.073.253.973
Các khoản tương đương tiền	112		729.000.000.000	1.129.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	8	826.054.642.092	22.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		804.054.642.092	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		22.000.000.000	22.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		872.552.125.838	1.589.031.346.092
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	136.875.880.096	82.141.237.023
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	161.596.043.667	432.057.432.017
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	535.200.000.000	937.650.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	45.640.498.703	142.295.995.849
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(6.760.296.628)	(5.113.318.797)
Hàng tồn kho	140	13	102.663.284.182	102.140.377.965
Hàng tồn kho	141		102.663.284.182	102.140.377.965
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.913.912.464	2.017.486.023
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.913.912.464	1.986.423.504
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	31.062.519

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		10.603.461.060.021	9.904.132.572.551
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.756.000	2.756.000
Phải thu dài hạn khác	216		2.756.000	2.756.000
Tài sản cố định	220		318.960.106	461.254.552
Tài sản cố định hữu hình	221		157.866.080	231.120.224
<i>Nguyên giá</i>	222		488.745.318	488.745.318
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(330.879.238)	(257.625.094)
Tài sản cố định vô hình	227		161.094.026	230.134.328
<i>Nguyên giá</i>	228		690.403.000	690.403.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(529.308.974)	(460.268.672)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	10.599.664.500.000	9.899.664.500.000
Đầu tư vào các công ty con	251		10.599.664.500.000	9.899.664.500.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.474.843.915	4.004.061.999
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	3.474.843.915	4.004.061.999
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		13.197.762.061.408	12.795.395.036.604

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.174.650.022.625	9.772.665.322.450
Nợ ngắn hạn	310		6.331.874.064.838	6.029.655.921.740
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	3.180.991.485.030	2.742.722.363.752
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.200.233.414	11.899.556.110
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	2.220.302.568	4.621.894.902
Phải trả người lao động	314		277.044.224	5.223.974
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	190.784.003.567	267.206.555.730
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	2.005.980.996.035	2.009.990.327.272
Vay ngắn hạn	320	20(a)	945.420.000.000	993.210.000.000
Nợ dài hạn	330		3.842.775.957.787	3.743.009.400.710
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	720.997.565.101	620.693.878.024
Vay dài hạn	338	20(b)	3.111.844.095.436	3.111.844.095.436
Dự phòng phải trả dài hạn	342		9.934.297.250	10.471.427.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.023.112.038.783	3.022.729.714.154
Vốn chủ sở hữu	410	21	3.023.112.038.783	3.022.729.714.154
Vốn cổ phần	411	22	3.267.148.470.000	3.267.148.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.267.148.470.000	3.267.148.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.119.055.015.149	2.119.055.015.149
Lỗi lũy kế	421		(2.363.091.446.366)	(2.363.473.770.995)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.363.473.770.995)	(2.247.530.810.778)
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này/ (Lỗi năm trước)	421b		382.324.629	(115.942.960.217)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		13.197.762.061.408	12.795.395.036.604

Ngày 18 tháng 8 năm 2021

Người lập:


Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính




Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	6.211.205.978.421	4.628.392.943.191
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	346.333.199.259	268.545.919.075
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	24	5.864.872.779.162	4.359.847.024.116
Giá vốn hàng bán	11	25	5.457.736.994.369	4.058.960.238.824
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		407.135.784.793	300.886.785.292
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	45.530.343.985	34.675.872.716
Chi phí tài chính	22	27	150.996.892.965	137.054.686.065
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		118.035.281.634	111.326.624.959
Chi phí bán hàng	25	28	218.941.323.020	220.707.142.233
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	82.535.163.086	74.290.801.039
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		192.749.707	(96.489.971.329)
Thu nhập khác	31		190.695.166	7.153.841
Chi phí khác	32		1.120.244	1.817.726
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		189.574.922	5.336.115
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		382.324.629	(96.484.635.214)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		382.324.629	(96.484.635.214)

Ngày 18 tháng 8 năm 2021

Người lập:

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính

Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01	382.324.629	(96.484.635.214)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	142.294.446	131.138.610
Các khoản dự phòng	03	1.870.433.944	(4.445.543.748)
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	146.158.569	93.198.409
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(45.530.174.985)	(34.553.698.071)
Chi phí lãi vay	06	118.035.281.634	111.326.624.959
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	75.046.318.237	(23.932.915.055)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	216.537.042.731	(45.761.620.079)
Biến động hàng tồn kho	10	(522.906.217)	(8.213.183.470)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	347.377.594.549	184.897.102.600
Biến động chi phí trả trước	12	(1.398.270.876)	(2.905.685.938)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(804.054.642.092)	-
		(167.014.863.668)	104.083.698.058
Tiền lãi vay đã trả	14	(15.019.983.489)	(8.947.712.085)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(760.586.113)	(229.009.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(182.795.433.270)	94.906.976.723
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	-	(38.720.000)
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(693.200.000.000)	(1.100.150.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi có kỳ hạn	24	1.095.650.000.000	875.900.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25	(700.000.000.000)	(414.003.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và phân phối lợi nhuận	27	141.375.374.677	383.817.597.916
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(156.174.625.323)	(254.474.122.084)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**


Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả chi phí phát hành cổ phiếu	31	(50.000.000)	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.446.310.000.000	753.550.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.494.100.000.000)	(758.480.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(47.840.000.000)	(4.930.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(386.810.058.593)	(164.497.145.361)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.176.073.253.973	683.578.280.096
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(146.158.569)	(93.198.409)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	789.117.036.811	518.987.936.326

Ngày 18 tháng 8 năm 2021

Người lập:


Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản và các hàng hóa khác quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 3 công ty con sở hữu trực tiếp (1/1/2021: 3 công ty con sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 14.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 14 chi nhánh hạch toán phụ thuộc bao gồm Chi nhánh Phú Thọ, Chi nhánh Hà Nam, Chi nhánh Nghệ An, Chi nhánh Bình Định, Chi nhánh Đắk Lắk, Chi nhánh Vĩnh Long, Chi nhánh Hậu Giang, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Quảng Nam, Chi nhánh Thái Nguyên, Chi nhánh Tiền Giang, Chi nhánh Hưng Yên, Chi nhánh Hải Phòng và Chi nhánh Cần Thơ (1/1/2021: 14 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 754 nhân viên (1/1/2021: 781 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(n) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và phân phối lợi nhuận từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan.

(p) Thuê hoạt động

Các tài sản thuê trong các hợp đồng thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không chịu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không bị biến động theo thời vụ.

5. Thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 so với các ước tính được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hay báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

6. Thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	462.541.409	1.522.669.862
Tiền gửi ngân hàng	59.654.495.402	45.530.754.111
Tiền đang chuyển	-	19.830.000
Các khoản tương đương tiền	729.000.000.000	1.129.000.000.000
	<hr/>	
	789.117.036.811	1.176.073.253.973

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

8. Đầu tư tài chính ngắn hạn**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2021		
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	giảm giá
			VND
Trái phiếu được phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ	7.711.650	804.054.642.092	-
		<hr/>	

Tại ngày báo cáo, lãi suất được sử dụng để ghi nhận lãi dự thu cho trái phiếu này dao động từ 5,51% đến 6%.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời hạn đáo hạn còn lại trên ba tháng và dưới mười hai tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán và hưởng lãi suất năm là 3,5% trong kỳ (1/1/2021: 5,8%).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<i>Công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	50.319.398.450	4.418.204.000
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	1.631.479.295	1.261.601.715
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	-	1.125.969.760

Các khoản phải thu từ các công ty con sở hữu trực tiếp/gián tiếp không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	5.113.318.797	9.780.987.692
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.646.977.831	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(4.696.474.748)
Số dư cuối kỳ	6.760.296.628	5.084.512.944

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	152.692.844.782	295.238.048.687
▪ Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	4.103.042.855	25.656.231.780
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	-	85.118.178.465
▪ Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	-	20.543.809.085

Các khoản trả trước cho các công ty con sở hữu gián tiếp không có đảm bảo và không hưởng lãi.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



11. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Các công ty con sở hữu gián tiếp				
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	6,5%	2022	244.400.000.000	94.550.000.000
▪ Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	6,5%	2022	20.800.000.000	36.100.000.000
▪ Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	6,5%	2021	-	387.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ	6,5%	2021	-	150.000.000.000
Một bên thứ ba	6,5%	2021	270.000.000.000	270.000.000.000
			535.200.000.000	937.650.000.000



Phải thu về cho vay ngắn hạn từ công ty mẹ, các công ty con sở hữu gián tiếp và bên thứ ba không được bảo đảm.

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi phải thu từ cho các công ty liên quan vay	23.839.400.011	45.462.638.387
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng và cho bên thứ ba vay	21.074.771.902	12.233.435.618
Phải thu khác từ các công ty con sở hữu gián tiếp	483.237.267	557.775.920
Tạm ứng cho nhân viên	199.677.303	950.994.077
Đặt cọc ngắn hạn	2.095.500	2.095.500
Phân phối lợi nhuận phải thu các công ty con sở hữu trực tiếp	-	83.063.297.600
Phải thu khác	41.316.720	25.758.747
	45.640.498.703	142.295.995.849



Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty mẹ		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	2.323.972.603
Công ty con sở hữu trực tiếp		
▪ Công ty TNHH MNS Feed	-	83.063.297.600
Các công ty con sở hữu gián tiếp		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	23.770.548.141	16.239.667.566
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định	201.307.200	114.127.200
▪ Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	153.519.567	22.005.065.789
▪ Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	101.293.151	5.146.860.277
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	58.383.214	33.874.215
▪ Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	20.800.000	9.003.322
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	15.292.002	116.169.852
▪ Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	608.002	190.002
▪ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	479.001	315.000
▪ Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	353.000	-
▪ Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	51.000	588.000
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	3.000	26.794.480
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Proconco Cần Thơ	-	3.786.001

Lãi cho vay phải thu từ các công ty liên quan không có đảm bảo và đến hạn vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả quy định trong hợp đồng vay.

Các khoản phải thu khác từ các công ty con sở hữu trực tiếp/gián tiếp không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

13. Hàng tồn kho

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Hàng hóa	102.663.284.182	102.140.377.965

Không có dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Đầu tư tài chính dài hạn****Đầu tư vào các công ty con**

	30/6/2021		1/1/2021	
	% sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MNS Feed (“MNS Feed”)	99,9%	7.283.990.000.000	99,9%	7.283.990.000.000
Công ty TNHH MNS Meat (“MNS Meat”)	99,9%	2.700.003.000.000	99,9%	2.000.003.000.000
Công ty Cổ phần 3F VIỆT (“3F VIỆT”)	51,0%	614.774.300.000	51,0%	614.774.300.000
Đầu tư khác	-	897.200.000	-	897.200.000
		<hr/>		<hr/>
		10.599.664.500.000		9.899.664.500.000
		<hr/>		<hr/>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Không có dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty con trong kỳ như sau:

	MNS Feed VND	MNS Meat VND	3F VIỆT VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	7.283.990.000.000	2.000.003.000.000	614.774.300.000	897.200.000	9.899.664.500.000
Tăng đầu tư bằng tiền	-	700.000.000.000	-	-	700.000.000.000
Số dư cuối kỳ	7.283.990.000.000	2.700.003.000.000	614.774.300.000	897.200.000	10.599.664.500.000

Thông tin chi tiết của các công ty con như sau:

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính
Công ty TNHH MNS Feed	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tráng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Tư vấn quản lý đầu tư
Công ty TNHH MNS Meat	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tráng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Tư vấn quản lý đầu tư
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	68 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Chăn nuôi gia cầm và chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt gia cầm

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	3.146.907.635	857.154.364	4.004.061.999
Tăng trong kỳ	643.500.000	274.778.250	918.278.250
Phân bổ trong kỳ	(1.157.560.754)	(289.935.580)	(1.447.496.334)
Số dư cuối kỳ	2.632.846.881	841.997.034	3.474.843.915

16. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	2.520.932.224.740	2.187.376.275.950
Các nhà cung cấp khác	660.059.260.290	555.346.087.802
	3.180.991.485.030	2.742.722.363.752

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Các công ty con sở hữu gián tiếp		
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	2.520.932.224.740	2.187.376.275.950
▪ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	156.719.212.450	171.688.262.720
▪ Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	220.437.127.695	157.898.703.815
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định	210.053.960.315	145.020.554.574
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	39.067.541.125	52.086.866.325
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	5.846.637.785	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ	2.945.023.750	-
▪ Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	1.864.763.650	-
▪ Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	396.000.000	396.000.000
Các công ty liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	10.651.418.992	4.563.823.848
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	61.680.190	81.864.791

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản phải trả cho các công ty con gián tiếp và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cân trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	66.656.024	(24.958.888)	(31.062.519)	10.634.617
Thuế thu nhập cá nhân	4.621.894.902	17.255.500.461	(16.090.554.510)	(3.577.172.902)	2.209.667.951
Các loại thuế khác	-	34.839.472	(34.839.472)	-	-
	4.621.894.902	17.356.995.957	(16.150.352.870)	(3.608.235.421)	2.220.302.568

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Chiết khấu thương mại	131.743.382.771	207.230.066.842
Thường thành tích	28.443.439.200	41.950.199.620
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	2.595.834.026	7.818.797.632
Chi phí lãi vay	7.628.913.452	1.640.590.055
Chi phí vận chuyển	2.576.883.290	888.932.642
Chi phí khác	17.795.550.828	7.677.968.939
	190.784.003.567	267.206.555.730

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế cho việc nhận chuyển nhượng Công ty TNHH MNS Meat do tái cấu trúc trong năm 2020 (*)	1.999.989.111.000	1.999.989.111.000
Chi phí lãi vay phải trả cho Công ty TNHH Tầm nhìn Masan, một công ty liên quan	-	3.276.712.329
Phải trả khác cho Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang, một công ty con sở hữu gián tiếp (**)	479.409.575	389.409.575
Phải trả khác	5.512.475.460	6.335.094.368
	<hr/>	<hr/>
	2.005.980.996.035	2.009.990.327.272

(*) Khoản phải trả này không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trước ngày 31 tháng 8 năm 2021.

(**) Các khoản phải trả cho công ty con sở hữu gián tiếp không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả cho Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc, một công ty con sở hữu gián tiếp	720.997.565.101	620.693.878.024

Chi phí lãi vay phải trả cho công ty con sở hữu gián tiếp không được đảm bảo và phải trả vào ngày đáo hạn của khoản vay liên quan (Thuyết minh 20(b)).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Vay VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	993.210.000.000	1.446.310.000.000	(1.494.100.000.000)	945.420.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Các khoản vay ngân hàng không được đảm bảo	VND	2,5% - 3,3%	805.420.000.000	593.210.000.000
Khoản vay không đảm bảo từ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan, một công ty liên quan	VND	6,5%	140.000.000.000	400.000.000.000
			945.420.000.000	993.210.000.000

(b) Vay dài hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn, khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.111.844.095.436	3.111.844.095.436

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Các khoản vay không được đảm bảo từ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc, một công ty con sở hữu gián tiếp				
▪ Khoản vay 1	6,5%	2023	2.419.754.495.481	2.419.754.495.481
▪ Khoản vay 2	6,5%	2023	692.089.599.955	692.089.599.955
			3.111.844.095.436	3.111.844.095.436

Công ty Cổ phần Masan MEALife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	3.243.274.470.000	2.119.105.015.149	(2.247.530.810.778)	3.114.848.674.371
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(96.484.635.214)	(96.484.635.214)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	3.243.274.470.000	2.119.105.015.149	(2.344.015.445.992)	3.018.364.039.157
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	3.267.148.470.000	2.119.055.015.149	(2.363.473.770.995)	3.022.729.714.154
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	382.324.629	382.324.629
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	3.267.148.470.000	2.119.055.015.149	(2.363.091.446.366)	3.023.112.038.783



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là như sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	326.714.847	3.267.148.470.000	326.714.847	3.267.148.470.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.714.847	3.267.148.470.000	326.714.847	3.267.148.470.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.714.847	3.267.148.470.000	326.714.847	3.267.148.470.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng 1 năm	7.034.078.400	11.323.257.600
Từ 2 đến 5 năm	-	1.372.449.600
	7.034.078.400	12.695.707.200

(b) Ngoại tệ

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	389.756	8.933.982.447	451.269	10.379.183.320

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	6.211.205.978.421	4.628.392.943.191
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	346.333.199.259	268.545.919.075
Doanh thu thuần	5.864.872.779.162	4.359.847.024.116

25. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Hàng hóa đã bán	5.457.736.994.369	4.058.960.238.824

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Thu nhập lãi từ:		
▪ Các công ty liên quan (cho vay và trái phiếu)	19.731.043.848	20.544.238.371
▪ Ngân hàng	14.490.820.194	11.920.829.563
▪ Bên thứ ba	11.308.310.943	2.088.630.137
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	169.000	122.174.645
	45.530.343.985	34.675.872.716

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí lãi vay cho các khoản vay từ:		
▪ Các công ty liên quan	108.413.550.089	100.857.851.094
▪ Ngân hàng	9.621.731.545	10.468.773.865
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	117.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	146.158.569	93.198.409
Chi phí tài chính khác	32.815.335.762	25.634.862.697
	150.996.892.965	137.054.686.065

28. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	96.536.588.194	100.033.339.833
Chi phí vận chuyển	41.427.424.886	37.005.423.310
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	36.116.189.720	32.898.714.735
Chi phí thuê hoạt động	7.716.684.582	7.349.214.356
Chi phí công cụ và dụng cụ	584.783.754	557.108.470
Chi phí bán hàng khác	36.559.651.884	42.863.341.529
	218.941.323.020	220.707.142.233

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	51.624.253.923	55.005.011.223
Chi phí thuê hoạt động	6.512.252.457	5.163.814.044
Chi phí dụng cụ văn phòng	1.471.097.044	1.580.084.762
Chi phí khấu hao	142.294.446	131.138.610
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.646.977.831	(4.696.474.748)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	21.138.287.385	17.107.227.148
	82.535.163.086	74.290.801.039

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	382.324.629	(96.484.635.214)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	76.464.926	(19.296.927.043)
Chi phí không được khấu trừ thuế	308.634.635	351.888.327
Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(385.099.561)	18.945.038.716
	-	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	534.780.177.686	106.956.035.537	545.342.970.030	109.068.594.006
Lỗi tính thuế	1.196.843.547.289	239.368.709.459	1.464.745.407.395	292.949.081.479
	1.731.623.724.975	346.324.744.996	2.010.088.377.425	402.017.675.485

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2022	Chưa quyết toán	1.028.653.391.004
2024	Chưa quyết toán	136.965.125.553
2025	Chưa quyết toán	22.587.736.190
2026	Chưa quyết toán	8.637.294.542
		1.196.843.547.289

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Theo các quy định thuế hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực trừ chi phí lãi vay. Chi phí lãi vay vượt mức trần khấu trừ thuế theo quy định thuế hiện hành được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo trong vòng 5 năm tiếp theo. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng lợi ích thuế của các khoản mục này.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Thu hồi khoản cho vay	150.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	2.294.456.834	-
Các công ty con sở hữu trực tiếp		
Công ty Cổ phần 3F VIỆT		
Bán hàng	93.410.512.925	-
Công ty TNHH MNS Meat		
Góp vốn	700.000.000.000	3.000.000
Các công ty con sở hữu gián tiếp		
Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang		
Mua hàng	211.455.596.920	116.924.298.365
Bán hàng	1.511.378.620	1.622.020.735
Phí thuê kho	270.000.000	270.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên		
Mua hàng	102.775.072.335	63.424.768.505
Bán hàng	102.883.410	239.271.465
Phí thuê kho	210.000.000	210.000.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long		
Phí thuê kho	720.000.000	720.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang		
Mua hàng	289.229.866.580	228.827.294.280
Bán hàng	3.282.442.700	3.966.249.880
Phí thuê kho	210.000.000	210.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An		
Mua hàng	153.773.375.900	100.453.678.650
Bán hàng	869.877.295	93.512.210
Phí thuê kho	210.000.000	210.000.000
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc		
Mua hàng	2.911.145.467.225	2.344.724.384.280
Bán hàng	9.962.664.335	9.844.071.850
Chi phí lãi vay	100.303.687.077	100.857.851.094
Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ		
Mua hàng	7.383.557.050	1.721.751.625
Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định		
Mua hàng	740.947.133.475	557.653.720.420
Bán hàng	2.323.389.570	1.138.045.600
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên		
Mua hàng	371.223.940.820	193.467.621.785
Bán hàng	154.503.965	87.206.675
Phí thuê kho	378.000.000	315.000.000
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế		
Mua hàng	669.425.998.705	459.927.741.855
Bán hàng	369.877.580	707.536.610
Góp vốn cổ phần	-	414.000.000.000
Phí thuê kho	190.800.000	-
Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An		
Cho vay	256.400.000.000	266.700.000.000
Thu hồi khoản cho vay	271.700.000.000	366.700.000.000
Thu nhập lãi cho vay	1.642.345.208	2.841.052.057

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam		
Mua hàng	-	578.931.122
Cho vay	105.000.000.000	194.800.000.000
Thu hồi khoản cho vay	492.000.000.000	138.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	10.186.479.462	8.795.871.240
Công ty TNHH MNS MeatDeli Sài Gòn		
Cho vay	331.800.000.000	368.650.000.000
Thu hồi khoản cho vay	181.950.000.000	238.200.000.000
Thu nhập lãi cho vay	7.528.246.575	8.907.315.074
Công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Chi phí công nghệ và thông tin	6.007.642.843	4.796.092.868
Chi phí quản lý dự án	80.552.302	139.395.698
Mua hàng	75.541.383	138.946.002
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce		
Mua hàng	339.655.855	57.455.586
Công ty TNHH Tầm nhìn Masan		
Trả nợ gốc vay	260.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	8.109.863.012	-
Công ty Cổ phần Bột giặt Net		
Mua hàng	-	27.683.998
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao cho nhân sự quản lý chủ chốt (*)	15.864.924.000	18.084.925.500

Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 2020, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(*) Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không hưởng thù lao trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 2020.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty cung cấp bảo lãnh thanh toán cho các khoản vay ngân hàng của các công ty con với số dư nợ gốc vay tại ngày lập báo cáo như sau:

Các công ty con

**30/6/2021
VND**

Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	66.996.917.143
Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	33.047.912.230
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	46.871.737.322
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	28.675.992.868
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	148.433.635.117
Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	581.742.621.028
Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	832.753.295.475
Công ty TNHH MNS MeatDeli Sài Gòn	864.604.226.072



32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Mua tài sản chưa thanh toán	-	47.575.000

Ngày 18 tháng 8 năm 2021

Người lập:


Trần Quang Bê
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

